

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân,
vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn
giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-BYT ngày 06/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Quản lý môi trường y tế, Y tế dự phòng, Khoa học công nghệ và Đào tạo, Công nghệ thông tin; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Truyền thông và Thi đua khen thưởng, Pháp chế; Giám đốc Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe trung ương; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: NN&PTNT, TN & MT, TT&TT, GD&ĐT, KH&ĐT, Tài chính (để p/h);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để p/h chỉ đạo);
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW (để p/h chỉ đạo);
- Sở Y tế các tỉnh/TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, MT.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Tiến

ĐỀ ÁN**Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và
sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018 - 2025
và tầm nhìn đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **6847**/QĐ-BYT ngày **13/11/2018**
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, với những cố gắng của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và sự hưởng ứng tích cực của người dân, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã đạt được những kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Y tế dự phòng được tăng cường, đã ngăn chặn được các bệnh dịch nguy hiểm, không để xảy ra dịch lớn. Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe như môi trường, thực phẩm, rèn luyện thân thể, đời sống tinh thần... được quan tâm hơn. Việt Nam đã đạt được tiến bộ lớn trong tăng trưởng độ bao phủ cấp nước và vệ sinh môi trường.

Để giải quyết vấn đề vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, cải thiện sức khỏe người dân, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 về việc lấy ngày 02 tháng 7 hàng năm là Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 về việc tổ chức triển khai phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Ngày 8/4/2014 Chính phủ Việt Nam đã ký tuyên bố cam kết với Liên hiệp quốc về Vệ sinh và Nước cho mọi người, chấm dứt tình trạng phóng uế bừa bãi vào năm 2025.

Theo Chương trình Giám sát chung năm 2015, tỷ lệ tiếp cận nhà vệ sinh cải tiến ở nông thôn là 67%, với tỷ lệ phóng uế bừa bãi hiện ở mức 2% trên toàn quốc và tỷ lệ tiếp cận nước sạch cải thiện là 94%. Tuy nhiên, sự chênh lệch tiếp cận giữa các vùng có nhiều người dân tộc thiểu số (DTTS) và phần còn lại của Việt Nam vẫn rất lớn. Ở các khu vực Miền núi phía Bắc – Tây Nguyên – Nam Trung Bộ, khoảng 21% dân số nông thôn phóng uế bừa bãi, và tỷ lệ này lên tới 31% đối với DTTS, và 39% (47% đối với DTTS) có nhà vệ sinh chưa hợp vệ sinh.¹ Ở phạm vi quốc gia, xấp xỉ 12% số trường học và 37% trung tâm y tế có điều kiện vệ sinh tốt, trên 21% trường học ở Việt Nam không có nước để rửa tay và chỉ có 11% học sinh rửa tay sau khi đi vệ sinh². Ngoài ra, 27% người dân nông thôn tại các khu vực Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên không được tiếp cận

¹ Theo định nghĩa của Bộ YT về vệ sinh

² Ibid

nước sạch an toàn.³ Thiếu tiếp cận các dịch vụ cơ bản và hành vi vệ sinh nghèo nàn dẫn tới tỷ lệ mắc tiêu chảy⁴ và nhiễm giun sán cao⁵ – nguyên nhân nhiễm bệnh đứng thứ hai ở các vùng miền núi phía bắc⁶, 41% trẻ em DTTS dưới 5 tuổi bị thấp còi.⁷

Công tác truyền thông cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch luôn được xác định là một giải pháp quan trọng cần thực hiện. Tuy nhiên việc triển khai công tác truyền thông tại các vùng, miền, các địa phương cũng có sự khác biệt lớn, phần lớn chỉ tập trung ở các khu vực được Chương trình, dự án hỗ trợ. Sự vào cuộc của các cấp chính quyền, ban ngành đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tại địa phương trong công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch còn chưa thực sự quyết liệt; nhận thức, thực hành của người dân về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch còn rất khác nhau giữa các nhóm đối tượng và giữa các vùng miền; những điều kiện để phục vụ công tác truyền thông còn bị thiếu hoặc hạn chế; kinh phí cấp cho công tác truyền thông còn thiếu so với nhu cầu, chỉ chiếm khoảng 4% so với tổng ngân sách Trung ương cấp cho toàn bộ Chương trình Mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường giai đoạn 2005-2015⁸.

Để góp phần đạt được các chỉ tiêu của Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới vào năm 2020, mục tiêu phát triển bền vững số 6 và cam kết của Chính phủ Việt Nam với Liên hiệp quốc, cần thiết xây dựng và triển khai Đề án “*Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030*”.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết Trung ương số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết Trung ương số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/8/2000 ban hành Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

- Quyết định số 730/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/6/2012 về việc lấy ngày 02 tháng 7 hàng năm là Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân;

³ Cục Y tế Dự phòng – 2009

⁴ Cục Y tế Dự phòng – 2009

⁵ WHO 2007

⁶ Các góc độ về quản lý tiêu chảy ở trẻ em và việc sử dụng dịch vụ y tế của các cán bộ chăm sóc y tế dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Rheinland 2011

⁷ 2014 Báo cáo tăng trưởng Việt Nam

⁸ Báo cáo của Bộ NN&PTNT giai đoạn 2005-2015

- Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 1624/QĐ-BYT ngày 06/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực trạng công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch

Trong những năm vừa qua, việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã mang lại hiệu quả đáng kể, góp phần cải thiện đời sống của người dân. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) đã tăng lên gần 24,2% trong vòng 10 năm (2006: 59,1% và 2017: 83,3%). Đến hết năm 2016, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu HVS trong toàn quốc khoảng 83,3%, trong đó tỷ lệ hộ gia đình thành thị có nhà tiêu hợp vệ sinh 96,2%, và tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu HVS đạt 77%. Tuy nhiên, tỷ lệ nhà tiêu HVS phân bố không đồng đều giữa các vùng sinh thái. Khu vực Đồng bằng sông Hồng 97,8%, Đông Nam Bộ 97,1%, tiếp theo là các tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung 84%, các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc 67,6%, Đồng bằng sông Cửu Long 67,3%, và các tỉnh Tây Nguyên 63,3%⁹, trong đó nhiều tỉnh có tỷ lệ nhà tiêu HVS hộ gia đình đạt dưới 50%.

Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh tăng hơn 8% từ

⁹ Niên giám thống kê năm 2017 - Tổng cục thống kê

năm 2011 đến năm 2015. Đến đầu năm 2017, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn của cả nước được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85,7%, trong đó chỉ có 49% được sử dụng nước sạch theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế.¹⁰

Về cấp nước và vệ sinh đối với trường học (Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở) và trạm y tế: Đến nay có khoảng 93% trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS được quản lý và sử dụng tốt. Tuy nhiên một số vùng có tỷ lệ trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS còn thấp thuộc miền núi phía Bắc (80%) và Tây Nguyên (84%). Đến cuối năm 2015 tỷ lệ các trường học có nguồn nước sạch và nhà tiêu HVS là 78,6%, vẫn còn nhiều trường học, nhà trẻ, mẫu giáo thiếu nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.¹¹

Việc thực hiện hành vi rửa tay với xà phòng của người dân vào các thời điểm quan trọng như trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh còn thấp và chưa duy trì được thành thói quen thường xuyên. Tỷ lệ rửa tay với xà phòng của người dân trước khi ăn là 54%, rửa tay với xà phòng sau khi đi đại tiện là 63,8% và rửa tay với xà phòng sau khi đi tiểu tiện là 11,8%.¹²

Tại khu vực nông thôn, chất thải rắn sinh hoạt trong cả nước khoảng 31.500 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom trung bình chỉ đạt 40-50%. Tại các thị trấn, thị tứ, các vùng ven đô tỷ lệ thu gom vận chuyển đạt khoảng 60-80%.¹³

2.2. Thực trạng công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn

a) Công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn đã được các Bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội triển khai sâu rộng tại cả Trung ương và địa phương:

Tại Trung ương, hàng năm ngành Y tế đã phối hợp với các Bộ, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tổ chức chỉ đạo, triển khai lập kế hoạch truyền thông, tập huấn, hội thảo, tổ chức mít tinh hưởng ứng Phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, tổ chức các chiến dịch truyền thông; Áp dụng các mô hình truyền thông có sự tham gia của cộng đồng.

Tại địa phương, công tác xây dựng kế hoạch truyền thông đã chú trọng tới thực hiện các mục tiêu đầu tư cho vệ sinh môi trường; đã thiết lập mạng lưới truyền thông ở cấp cơ sở, nòng cốt là cán bộ y tế xã, nhân viên y tế thôn, bản và huy động các đoàn thể tham gia thực hiện nhiệm vụ truyền thông vận động nhân dân xây dựng, sử dụng, bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch.

b) Công tác truyền thông được triển khai đa dạng dưới nhiều hình thức, phương pháp khác nhau như:

¹⁰ Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2017

¹¹ Báo cáo CT MYQNS&VSMT năm 2016

¹² Điều tra tổng kết Dự án “Nâng cao sức khỏe cộng đồng thông qua việc cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường” do Quỹ Unilever Việt Nam tài trợ giai đoạn năm 2007-2011 tại 70 xã của 34 huyện thuộc 11 tỉnh.

¹³ Báo cáo quốc gia năm 2014 của Bộ TN & MT.

Truyền thông trực tiếp bằng cách tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân thực hiện các hành vi vệ sinh cá nhân, giữ gìn vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch thông qua đội ngũ cộng tác viên tại tuyến cơ sở.

Truyền thông gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (loa đài, truyền hình, báo); các hoạt động cộng đồng như mít tinh, chiến dịch truyền thông hưởng ứng Ngày vệ sinh yêu nước 02/7, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng 15/10, Ngày Nhà tiêu Thế giới 19/11, Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, các ngày hội vệ sinh...; cung cấp thông tin cho người dân thông qua các tài liệu truyền thông như Pano, áp phích, tờ rơi, băng rôn, băng đĩa hình...

c) Nội dung truyền thông: Đa dạng, phong phú, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ tiếp cận với các chủ đề về rửa tay với xà phòng, giữ gìn vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh.

d) Triển khai các mô hình truyền thông: Một số mô hình truyền thông được triển khai thực hiện và bước đầu đạt hiệu quả thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch của người dân tại cộng đồng: Mô hình Vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ (CLTS), Thay đổi hành vi vệ sinh và vệ sinh môi trường có sự tham gia của cộng đồng (PHAST), Mô hình tiếp thị vệ sinh (SanMark), Hướng dẫn công nhận cộng đồng chấm dứt phóng uế bừa bãi (ODF), Hỗ trợ dựa trên kết quả đầu ra (OBA)...

2.3. Những hạn chế trong công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn

Qua quá trình triển khai, các bộ, ngành, địa phương còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, phối hợp: Các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương, Bộ, ban ngành, đoàn thể ở nhiều nơi chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác truyền thông, chưa coi đây là nhiệm vụ ưu tiên trong phát triển kinh tế của từng địa phương; Công tác phối hợp liên ngành trong công tác truyền thông chưa thường xuyên;

- Về nguồn lực: Chính quyền các cấp địa phương chưa chủ động cân đối, bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương cho việc triển khai công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn; Việc huy động sự hỗ trợ để cải thiện điều kiện vệ sinh chưa đáp ứng được so với nhu cầu; Đội ngũ thực hiện công tác truyền thông về nước sạch và vệ sinh còn hạn chế về năng lực, phương tiện truyền thông còn thiếu thốn;

- Phương pháp và nội dung truyền thông: Các phương pháp và nội dung truyền thông triển khai đến từng đối tượng thụ hưởng chưa chú trọng tới đặc điểm địa lý, văn hóa, dân tộc của từng vùng miền;

- Kiến thức, nhận thức thực hành về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn: Còn tồn tại khoảng cách rất lớn từ kiến thức tới thực hành, đặc biệt ở các nhóm đối tượng là người nghèo, người dân tộc thiểu số và người dân ở vùng nông thôn, miền núi, vùng kinh tế khó khăn. Rửa tay với xà phòng chưa thành thói quen. Thực hành vệ sinh tại hộ gia đình về xử

lý rác còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ dân trí tại các khu vực này còn hạn chế, nhiều thói quen lạc hậu còn tồn tại, thiếu thốn về kinh tế và sự ý lại, trông chờ vào sự hỗ trợ.

- Các mô hình truyền thông đã triển khai, tuy nhiên chưa được tổng kết, đánh giá để áp dụng phù hợp với từng vùng miền, từng đối tượng.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường triển khai có hiệu quả các hoạt động thông tin, truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn góp phần củng cố, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các bộ, ban ngành, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn nhằm phòng chống dịch, bệnh và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2025

2.1. Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các bộ, ban ngành, địa phương và đoàn thể trong việc thực hiện công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Chỉ tiêu cụ thể:

- 100% lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, các bộ, ban ngành, địa phương, và đoàn thể được tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 80% các tỉnh, thành phố có kế hoạch triển khai hoặc đưa nội dung truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bố trí kinh phí thực hiện;

- 100% các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đưa nội dung truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn vào kế hoạch hoạt động hàng năm, trung hạn và dài hạn.

2.2. Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức và năng lực truyền thông của cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Chỉ tiêu cụ thể:

- 100% các tỉnh, thành phố có tổ chức tập huấn về phương pháp và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn cho các cán bộ y tế và cán bộ các bộ, ban ngành, đoàn thể có liên quan tại tất cả các cấp;

- 70% cơ quan báo chí và cán bộ làm công tác thông tin cơ sở được cập nhật kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 100% nhân viên y tế thôn bản được tập huấn về phương pháp và kỹ năng

truyền thông và được cung cấp tài liệu truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 70% cộng tác viên truyền thông từ các ban ngành, đoàn thể được tập huấn về phương pháp truyền thông và được cung cấp tài liệu truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao nhận thức và thực hành của người dân nông thôn về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Chỉ tiêu cụ thể:

- 80% các tỉnh, thành phố hàng năm có tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 100% các tỉnh, thành phố xây dựng và phổ biến các loại tài liệu truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trên các kênh truyền thông cho các đối tượng khác nhau;

- 70% các tỉnh, thành phố triển khai mô hình truyền thông về vệ sinh dựa vào cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- 100% trạm y tế xã, trường học tổ chức truyền thông và có góc truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

Đến năm 2030, phấn đấu các chỉ tiêu đã đặt ra trong giai đoạn năm 2018 - 2025 đạt 100%; Đảm bảo công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn được duy trì bền vững.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi thực hiện của Đề án

Đề án được triển khai trên toàn quốc, gồm 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ưu tiên triển khai ở khu vực nông thôn, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng của Đề án

- Đối tượng truyền thông vận động và huy động: Lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan thông tin báo chí ở Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, nhà tài trợ;

- Đối tượng truyền thông thay đổi hành vi: Người dân tại vùng nông thôn, bà mẹ nuôi con dưới 5 tuổi, cán bộ y tế và người bệnh tại trạm y tế xã, học sinh tại các trường học;

- Đối tượng hưởng lợi: Mọi người dân, trong đó ưu tiên người nghèo và cận nghèo, dân tộc thiểu số, người có điều kiện sống khó khăn ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Thời gian và địa bàn triển khai

3.1. Giai đoạn 2018 - 2025: Triển khai Đề án tại Trung ương và địa phương.

3.2. Giai đoạn 2025 - 2030

Tổng kết đánh giá, điều chỉnh các Chương trình, Dự án, Kế hoạch truyền thông, các mô hình truyền thông cho phù hợp với từng vùng miền, địa bàn của địa phương, phát huy kết quả của giai đoạn trước nhằm đạt 100% các chỉ tiêu của Đề án.

V. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Đánh giá thực trạng công tác truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trên toàn quốc.
2. Xây dựng kế hoạch truyền thông tại Trung ương và địa phương; lồng ghép các hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn vào các chương trình, dự án có liên quan như Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, dinh dưỡng, phòng chống dịch và các phong trào của các Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội.
3. Xây dựng chính sách và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ban, ngành và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan thông tin báo chí.
4. Xây dựng, phát triển các tài liệu và thông điệp truyền thông gắn với hoạt động truyền thông tổng thể của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và phù hợp với đối tượng truyền thông từng vùng miền.
5. Tổ chức, phối hợp với các Ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội triển khai các hoạt động truyền thông vận động chính sách, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thực hành của người dân nông thôn về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.
6. Nghiên cứu xây dựng các sáng kiến, mô hình và tổ chức đánh giá, triển khai áp dụng các sáng kiến, mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng.
7. Huy động nguồn lực, hợp tác quốc tế và xã hội hóa cho công tác truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn.

(kèm theo phụ lục danh mục các Dự án ưu tiên để thực hiện Đề án)

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giải pháp về chính sách

a) Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật đối với công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19/6/2012 về việc lấy ngày 02 tháng 7 hàng năm là Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 về việc tổ chức triển khai phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

- Rà soát, đề xuất, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, quy định về công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn;

- Đề xuất, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân nông thôn tham gia triển khai công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn trong khuôn khổ pháp luật cho phép;

b) Vận động, đề xuất đưa các chỉ tiêu về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

c) Rà soát, kiện toàn mạng lưới cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn; Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để thúc đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

2. Giải pháp về phối hợp liên ngành

- Thực hiện ký cam kết phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các cơ quan có liên quan để tổ chức chỉ đạo, triển khai lồng ghép các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn trong các hoạt động của các đơn vị;

- Hướng dẫn xây dựng các cơ chế phối hợp giữa các Sở, ban ngành, tổ chức chính trị tại địa phương để tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn;

- Sử dụng mạng lưới truyền thông từ trung ương đến địa phương để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương chính sách, các hướng dẫn, khuyến cáo về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn.

3. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

- Lựa chọn các chuyên gia, tổ chức có kinh nghiệm nghiên cứu xây dựng các mô hình, tài liệu hướng dẫn, đào tạo, huấn luyện thực hành và các tài liệu phổ biến kỹ năng truyền thông; Đa dạng hoá các tài liệu truyền thông phù hợp bối cảnh văn hoá, phong tục, tập quán, lối sống và vùng miền;

- Nội dung tài liệu truyền thông đảm bảo đáp ứng các yếu tố đại chúng; Ưu tiên các nội dung rửa tay với xà phòng để phòng bệnh, tầm quan trọng của việc xây dựng, bảo quản và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh tại các hộ gia đình, trường học và trạm y tế; vệ sinh môi trường nông thôn, xử lý rác; sử dụng các nguồn nước hợp vệ sinh tại các hộ gia đình, trường học và trạm y tế;

- Các thông điệp và tài liệu truyền thông đa dạng, phong phú, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ sử dụng, tập trung ưu tiên các tài liệu tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng như: Pa nô, áp phích, tờ rơi, tranh lật, tranh minh họa, các tiểu phẩm, hài kịch, tổ chức hưởng ứng các sự kiện về vệ sinh, ngày hội vệ sinh;

- Tăng cường chất lượng thông tin trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt tại cơ sở, các vùng miền còn nhiều khó khăn. Mở các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng về tầm quan trọng của công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn; Chú trọng truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cộng tác viên tuyến cơ sở hoặc cá nhân, tổ chức có uy tín tại cộng đồng;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động của Đề án.

4. Giải pháp về tài chính

- Bố trí kinh phí sự nghiệp trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ để triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- Thực hiện lồng ghép truyền thông của các chương trình mục tiêu, các dự án, các nhiệm vụ, phong trào có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn để thực hiện các hoạt động của Đề án;

- Huy động các nguồn vốn viện trợ ODA, viện trợ chính phủ nước ngoài, viện trợ của các tổ chức phi chính phủ và các nguồn xã hội hóa để thực hiện Đề án.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế và xã hội hóa

- Chủ động tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường trong nước, khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu sản xuất tài liệu, mô hình và đào tạo phục vụ công tác truyền thông để nhanh chóng tiếp cận các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến;

- Tăng cường hợp tác quốc tế để triển khai các chương trình, dự án, các phong trào và sáng kiến về truyền thông tại Việt Nam; hợp tác hiệu quả với các tổ chức của Liên hiệp quốc, các quốc gia và quốc tế; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thôn tin để quản lý và cung cấp thông tin về truyền thông vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn;

- Tăng cường công tác xã hội hóa, mời gọi các tổ chức, doanh nghiệp giúp đỡ, đầu tư cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, rửa tay với xà phòng, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường phòng chống dịch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung ương

1.1. Bộ Y tế

a) Cục Quản lý môi trường y tế

- Là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Y tế điều phối, tổ chức thực hiện Đề án;

- Đầu mối hướng dẫn các Sở Y tế, các đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án;

- Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thuộc các bộ, ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện Đề án truyền thông tại các địa phương.

b) Vụ Truyền thông và Thi đua khen thưởng

- Phối hợp với Cục Quản lý môi trường y tế và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch truyền thông theo Đề án được phê duyệt.

- Chỉ đạo Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe Trung ương và các Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe tỉnh/thành phố, các Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật về truyền thông.

c) Cục Y tế dự phòng

Phối hợp với Cục Quản lý môi trường y tế và các đơn vị liên quan, lồng ghép công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn với công tác truyền thông về phòng chống dịch, bệnh, dinh dưỡng;

d) Vụ Kế hoạch - Tài chính

Đầu mối, phối hợp với Cục Quản lý môi trường y tế và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kinh phí, tìm nguồn kinh phí trong và ngoài nước, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các hoạt động của Đề án.

e) Các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế:

Phối hợp với Cục Quản lý môi trường y tế và các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo địa phương triển khai Đề án theo chức năng, nhiệm vụ; lồng ghép công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn vào các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan.

g) Các Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh:

- Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn theo phân công;

- Chỉ đạo tuyển, đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho tuyến dưới và phối hợp với địa phương tổ chức triển khai truyền thông tại cộng đồng; Triển khai các chương trình, dự án lồng ghép các hoạt động truyền thông về sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Tham gia điều tra, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về lĩnh vực truyền thông vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn, ảnh hưởng tới sức khỏe;

- Đầu mối khu vực về tổng hợp, quản lý thông tin; thực hiện thống kê báo cáo, thu thập số liệu, hướng dẫn kỹ thuật cho đơn vị thuộc địa bàn quản lý thực hiện các nhiệm vụ.

1.2. Đề nghị các Bộ, ngành, tổ chức liên quan

- Bộ Nông nghiệp và PTNT: Phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, triển khai các hoạt động truyền thông về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn lồng ghép có hiệu quả với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án về nước sạch, vệ sinh môi trường, trong đó có nội dung về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác truyền thông, giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch trong trường học; Đảm bảo công tác vệ sinh và sử dụng nước sạch trong trường học.

- Bộ Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế bố trí kinh phí sự nghiệp trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ để thực hiện Đề án sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách trong kế hoạch trung hạn, hàng năm để bố trí ngân sách thực hiện Đề án; Vận động, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho các hoạt động vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Các ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội Trung ương: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban dân tộc TW, Trung ương Hội Phụ nữ, Trung ương Đoàn TN CSHCM, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, Trung ương Hội Nông dân: Phối hợp với Bộ Y tế tổ chức chỉ đạo, triển khai các hoạt động truyền thông, lồng ghép các thông điệp truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trong các hoạt động, phong trào tại các cấp.

2. Các tỉnh, thành phố

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Kế hoạch truyền thông hoặc lồng ghép các nội dung truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại địa phương;

- Chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các Sở ban ngành, chính quyền các cấp và tổ chức chính trị xã hội để tổ chức thực hiện Kế hoạch của tỉnh, thành phố;

- Bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn tại địa phương;

2.2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố

- Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố phê duyệt Kế hoạch truyền thông hoặc lồng ghép các nội dung truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương căn cứ theo Đề án được phê duyệt;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách của tỉnh hàng năm để triển khai Kế hoạch truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa thể thao và du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, tổ chức thực hiện Kế hoạch truyền thông theo lĩnh vực được phân công;

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trong tỉnh, thành phố triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trong lĩnh vực được phân công;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo tiến độ về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Y tế.

VIII. NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động truyền thông bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn huy động từ các tổ chức quốc tế và trong nước, từ các doanh nghiệp và các cá nhân.

Kinh phí lồng ghép trong việc triển khai các chương trình, đề án, dự án có liên quan của các Bộ ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội; các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của Trung ương và địa phương.

Vốn huy động từ các tổ chức quốc tế và trong nước, từ các doanh nghiệp và các cá nhân được thực hiện theo các dự án cụ thể và tại những địa phương được lựa chọn thực hiện dự án.

IX. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Đề án được xây dựng là cơ sở để các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Góp phần tăng cường nhận thức về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo bộ, ban ngành, địa phương và đoàn thể thực hiện công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Góp phần nâng cao nhận thức và năng lực truyền thông của cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Góp phần nâng cao nhận thức, cải thiện về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch đối người dân sinh sống tại nông thôn, những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nhóm đối tượng yếu thế như người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, đảm bảo công bằng trong công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Đề án có ý nghĩa thực tiễn bởi thông qua dự phòng cấp một bằng giải pháp truyền thông sẽ tạo những thói quen cho người dân về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch đem lại hiệu quả phòng chống dịch, bệnh không chỉ của từng cá nhân mỗi người mà với cả cộng đồng dân cư. Thực hiện

có hiệu quả truyền thông thay đổi hành vi để mọi người dân, mọi cộng đồng quan tâm thực hiện tốt và duy trì bền vững các hành vi có lợi cho sức khỏe chính là giải pháp hiệu quả nhất và rẻ tiền của công tác vệ sinh phòng chống dịch, bệnh.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Tiến

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng
nước sạch nông thôn giai đoạn 2018 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~6847~~ /QĐ-BYT ngày ~~13.11~~ /2018
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Dự án/nhóm dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
1	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn	Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNN, Bộ TN&MT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan liên quan	2019-2020	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác
2	Nghiên cứu đánh giá các mô hình truyền thông truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn đã triển khai và xây dựng các mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng phù hợp với từng vùng miền.	Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế)	Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TT&TT, Bộ TN&MT, và các Bộ, ngành liên quan	2019-2020	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác
3	Tăng cường vận động chính sách, nâng cao năng lực truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trong lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các bộ, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội.	Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế), Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TT&TT, Bộ TN&MT, Ban Tuyên giáo TW, Ban Dân vận TW, Ủy ban TW mặt trận tổ quốc, Ủy Ban dân tộc, TW Hội Phụ nữ,	2019-2021	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác

			TW Hội Nông dân, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành liên quan		
4	Nâng cao năng lực truyền thông của các cơ quan chuyên môn ngành Y tế và các ngành liên quan về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.	Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế)	Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TT&TT, Bộ TN&MT, và các Bộ, ngành liên quan	2019-2021	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác
5	Truyền thông thay đổi hành vi về xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và nước sạch, thực hành vệ sinh cá nhân tại cộng đồng.	Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế)	Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TT&TT, Bộ TN&MT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo TW, Ban Dân vận TW, Ủy ban TW mặt trận tổ quốc, Ủy Ban dân tộc, TW Hội Phụ nữ, TW Hội Nông dân, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành liên quan	2019-2023	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác